

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 07/2023/HNGĐ-PT  
Ngày 07 - 9 - 2023  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Phương.

*Các Thẩm phán:*

+ Ông Phạm Văn Khôi.

+ Bà Trần Thị Sâm.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Ngọc Liên – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình:** ông Phạm Hữu Hải - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2023/TLPT-HNGĐ ngày 17/7/2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/HNGĐ-ST ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2023/QĐPT-HNGĐ ngày 02/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 05/2023/QĐ-PT ngày 28/8/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: tổ 11, ấp P, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa– Vũng Tàu. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Phạm Đức Hiền – Luật sư của Văn phòng Luật sư Đức Hiền, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Bình. Địa chỉ: số nhà 49, đường 2, phố Phúc Ninh, phường Phúc Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* anh Bùi Ngọc T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: khối 3, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình. (Có mặt)

3. *Người kháng cáo:* chị Nguyễn Thị N (nguyên đơn).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:*

Chị và anh Bùi Ngọc T đăng ký kết hôn ngày 12/11/2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về thị trấn B làm ăn sinh sống và chung sống hạnh phúc khoảng 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị chưa tìm hiểu kỹ nên khi về sống chung luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng nhiều lần cãi chửi nhau, anh T còn đánh đập xúc phạm chị, thậm chí có lần anh T vứt cả bím bẫn của con vào mặt chị. Việc mâu thuẫn đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhưng không có kết quả. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên cuối năm 2022 chị đã bế con về quê ngoại trong Thanh Hóa chơi để vừa có thời gian nghỉ ngơi, đồng thời để ổn định tâm lý, được 3 ngày chị lại cùng con nhỏ vào miền Nam chơi. Khi vừa vào đến nơi thì anh T bắt chị với con về quê ở thị trấn B nhưng chị không đồng ý. Anh T đánh chị ở ga tàu xong chỉ có mình anh T và con nhỏ về quê, chị ở lại tìm công việc. Đồng thời vợ chồng sống ly thân nhau từ đầu năm 2023 cho đến nay, không quan tâm, không liên lạc với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không có khả năng về đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Bùi Ngọc T để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: chị và Anh Bùi Ngọc T có một con chung, tên cháu là Bùi Ngọc H, sinh ngày 13/7/2021. Hiện cháu H đang ở cùng với anh T. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu H cho chị chăm sóc nuôi dưỡng. Chị yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Bùi Ngọc T trình bày:* anh thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về thời gian đăng ký kết hôn, về họ tên, ngày tháng năm sinh của con chung. Quá trình vợ chồng chung sống tại địa phương tương đối hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì xảy ra. Tháng 12 năm 2022 chị N xin anh bế con về quê ngoại trong Thanh Hóa chơi một tuần. Sau khi vào Thanh Hóa 3 ngày thì chị N tự ý bế con vào trong thành phố Biên Hòa chơi. Do con còn nhỏ, anh thấy không yên tâm nên đã vào đón cả hai mẹ con về ngoài Bắc. Chị N chưa muốn về nhà mà tiếp tục ở lại, chỉ có hai bố con anh về quê. Thời gian sau đó cả anh và chị N vẫn liên lạc với nhau bằng điện thoại để trao đổi việc chăm sóc con, hỏi thăm con. Chị N có thống nhất với anh về việc thu xếp xong công việc, sau đó sẽ về quê làm ăn sinh sống ở quê. Anh hoàn toàn không biết việc chị N có đơn xin ly hôn anh. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh chị vẫn đang chung sống hạnh phúc và bản thân anh không hiểu ngọn nguồn, lý do của việc chị N nộp đơn xin ly hôn. Thực tế vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì và con chung của anh chị còn quá nhỏ cần sự chăm sóc của cả hai bố mẹ. Do vậy anh mong muốn Tòa án hòa giải để chị N suy nghĩ lại, vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung. Anh và con nhỏ đều cần đến chị N. Quá trình Tòa án hòa giải, vì nghĩ đến con nhỏ và vì hạnh phúc của hai vợ chồng, anh đã trực

tiếp vào nơi làm việc của chị N, đồng thời nhờ anh em bên ngoại động viên để thuyết phục chị N về đoàn tụ. Do vậy trong trường hợp chị N cương quyết xin ly hôn anh vẫn không đồng ý. Anh vẫn tha thiết về đoàn tụ vì con chung của anh còn nhỏ và cần sự chăm sóc của cả bố và mẹ.

Về con chung: từ khi chị N bỏ đi cháu H đang ở cùng với anh T. Do anh không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về vấn đề con cái.

Về tài sản chung và công nợ chung: anh không có yêu cầu gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/HNGĐ-ST ngày 06/6/2023 của Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình đã quyết định: căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Xử: bác yêu cầu khởi kiện của chị N về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh T. Ngoài ra, bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự; quyền, nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 08/6/2023 chị N có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm với nội dung: đề nghị Toà án cấp phúc thẩm cho chị được ly hôn anh T, giao cháu H cho chị nuôi dưỡng, buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, bởi vì chị và anh T đã ly thân 08 tháng, cháu bé cần mẹ chăm sóc.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.
- Người bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.
- Anh T trình bày: không đồng ý yêu cầu kháng cáo của chị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử: không chấp nhận nội dung kháng cáo của chị N; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/HNGĐ-ST ngày 06/6/2023 của Toà án nhân dân huyện K. Về án phí dân sự phúc thẩm: chị N phải nộp 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng.

Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị N làm trong thời hạn pháp luật quy định và đúng hình thức, nội dung nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của chị N.

Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Ngọc T có đăng ký kết hôn ngày 12/11/2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Chị N cho rằng nguyên nhân mâu

thuần là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân. Anh T cho rằng quá trình vợ chồng chung sống tại địa phương tương đối hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì xảy ra.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn B thể hiện: quá trình chung sống tại địa phương anh chị không có mâu thuẫn gì, cũng không có sự va chạm cãi chửi nhau gì ảnh hưởng đến thôn xóm. Anh T và chị N chung sống tương đối hạnh phúc. Qua nắm bắt tại cơ sở, anh T chăm sóc con đã đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu nhỏ. Về phía chính quyền địa phương mong muốn Tòa án phân tích hòa giải động viên hai anh chị về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung, vì thực tế chị N và anh T cũng không có mâu thuẫn gì dẫn đến việc phải ly hôn.

Xét thấy: anh T và chị N ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Thời gian chị N đi làm trong miền Nam thì anh chị vẫn liên lạc và thông tin cho nhau, vợ chồng vẫn giúp đỡ nhau, chị N luôn hướng dẫn anh T qua tin nhắn điện thoại trong việc chăm sóc con (thể hiện qua vi bằng lập ngày 28/8/2023 do anh T giao nộp cho Tòa án). Các tài liệu do chị N sao chụp từ tin nhắn trên điện thoại giao nộp cho Tòa án thể hiện các tin nhắn không có nội dung xúc phạm nhau, không vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng; không có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình. Các đơn đề nghị của ông L, bà M, chị N1, anh S đều có nội dung là *nghe chị N kể lại cuộc sống vợ chồng chị N*, không có căn cứ chứng minh mâu thuẫn vợ chồng của chị N anh T.

Toà án cấp sơ thẩm xác định không có căn cứ để xác định hôn nhân giữa chị N và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được là có cơ sở.

Về con chung: chị N và anh T có một con chung, tên cháu là Bùi Ngọc H, sinh ngày 13/7/2021. Hiện cháu H đang ở cùng với anh T. Do không có căn cứ để chấp nhận cho chị N ly hôn với anh T nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N đề nghị được nuôi cháu H.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của chị N; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo của chị N không được chấp nhận nên chị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị N.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/HNGĐ-ST ngày 06/6/2023 của Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số AA/2021/0004952 ngày 08/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình; chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 07/9/2023).

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án. VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Phụng**

